

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01 – 3 – 2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Lil

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hồ Thị Út

Bà Nguyễn Kim Phụng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 01 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Bé N, sinh năm 2002 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L B 2, xã L Ph, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Bé T, sinh năm: 1982 (có mặt).

Địa chỉ: khu vực 5, phường Th A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Phạm Thị Bé N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 15/9/2019 (âm lịch) chị Phạm Thị Bé N và anh Nguyễn Văn Bé T tự nguyện tổ chức lễ cưới, nhưng anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định, hôn nhân do anh chị cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi tổ chức lễ cưới, đến khoảng tháng 10/2020 (âm lịch) thì vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm,

cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị đã ly thân từ tháng 10/2020 (âm lịch) cho đến nay.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, nên chị N và T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Văn Bé T thừa nhận lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý, con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án Tranh chấp ly hôn, căn cứ Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Bé N và anh Nguyễn Văn Bé T cùng thống nhất vào ngày 15/9/2019 (âm lịch) anh chị tự nguyện tổ chức lễ cưới, nhưng đến nay anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể tiếp tục sống chung cuộc sống hôn nhân nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy, chị N và anh T không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng nay chị N yêu cầu ly hôn.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình “*Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng ...*” và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*”. Vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận chị Phạm Thị Bé N và anh Nguyễn Văn Bé T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Không có nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Phạm Thị Bé N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị Bé N và anh Nguyễn Văn Bé T là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Phạm Thị Bé N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị N được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo lai thu số 0005160, lập ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND TX Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Lil**